TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/DS - ST
Ngày: 11 - 8 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Lê Nam Văn

Ông Trịnh Công Kiều

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm vụ án dân S sơ thẩm thụ lý số: 18/ 2023 / TLST- DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2023/QĐXX- ST, ngày 17/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2023/QĐHPT ngày 31/7/2023 giữa các đương S:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 2 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nhữ Ngọc T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện H, Bắc Thanh Hoá

Địa chỉ: Khu Tân Mỹ, Thị Trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Anh Vũ Văn S - sinh năm 1989 và chị Trần Thị D, sinh năm 1990,

(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2023, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn như sau:

Trên cơ sở xác lập Hợp đồng Ủy quyền ngày 09/9/2021 tại Văn phòng công chứng Hậu Lộc giữa: Anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D. Cùng ngày 09/9/2021, Ngân hàng N (sau đây viết tắt Agribank) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 3514-LAV-2021.03648, hạn mức số tiền vay là 300.000.000 đồng với nội dung hai khoản vay. Cụ thể: Khoản vay 100.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm vay 11,5%/ năm, thời hạn vay là 03 năm (ngày 09/9/2024). Số tiền vay được chia làm ba kỳ trả nợ gốc, lãi vào ngày 09/9/2022, ngày 09/9/2023 và ngày 09/9/2024.

Khoản vay 200.000.000đồng được giải ngân cùng ngày 09/9/2021, lãi suất tại thời điểm vay 08%/năm. Thời hạn vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng ngày 09/9/2022. Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp do anh Vũ Văn S là người đại diện xác lập. Mục đích vay để sản xuất kinh doanh, sửa sang chuồng trại, cửa hàng, phục vụ nhu cầu đời sống. Anh Vũ Văn S nhận tiền vay theo hình thức chuyển khoản.

Để bảo đảm khoản tiền vay của Agribank, anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (sau đây viết tắt là QSDĐ&TSGLVĐ) tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá, Số vào sổ cấp GCN: CI 520037 do UBND huyện Hậu Lộc cấp ngày 14/4/2017, tại thửa đất số 325b, tờ bản đồ số 05, diện tích 63 m^2, mang tên anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D không chấp hành quy chế cho vay, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Agribank đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu anh S, chị D thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận.

Tính đến ngày xét xử anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D còn nợ tiền gốc của hai khoản vay là 300.000.000đồng và tiền lãi, trong đó tiền lãi của khoản vay 100.000.000 đồng là 17.694.246, tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng là 30.509.950 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 348.203.836 đồng.

Nay Agribank yêu cầu: Buộc anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D phải trả toàn bộ số nợ gốc: 300.000.000 đồng, lãi quá hạn trên nợ gốc: 48.204.836 đồng cho Agribank và tiếp tục tính lãi chậm trả trên nợ gốc cho đến khi thanh toán hết số tiền vay theo HĐTD. Trường hợp anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D không tự nguyện thi hành nghĩa vụ trả tiền thì Agribank đề nghị Cơ quan Thi hành án dân S xử lý tài sản thế chấp là đất ở và tài sản trên đất tại thửa số 325b, tờ bản đồ số 05, diện tích 63 m^2, mang tên anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng vào ngày 09/9/2021 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh đăng ký cấp quyền sử dụng đất Hậu Lộc,

Bị đơn chị Trần Thị D có bản tự khai trình bày,

Ngày 09/9/2021, chị và anh S có ký kết với Ngân hàng N, có vay số tiền 300.000.000 đồng, Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 325b, tờ bản đồ số 05, diện tích đất 63 m^2 , đất ở đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp QSD đất ngày 14/4/2017 mang tên vợ chồng chị. Quá trình sử dụng vốn, do làm ăn thua lỗ nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Chị đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện thêm thời gian để trả nợ, trường hợp không trả được thì chấp nhận xử lý tài sản thế chấp.

Đối với bị đơn anh Vũ Văn S: Quá trình giải quyết vụ án, anh vắng mặt tại nơi cư trú, chị D đã nhận thay văn bản tố tụng và cam kết giao lại cho anh. Việc tống đạt văn bản tố tụng đối với anh S được thực hiện theo phương thức tống đạt trực tiếp cho chị D và niên yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân S. Tuy nhiên đến ngày mở lại phiên tòa anh S, chị D không có mặt để trình bày quan điểm liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là QSD đất và tài sản gắn liền trên đất, tại thôn Tân Hải, xã Hải Lộc. Kết quả thẩm định xác định, tài sản thế chấp là QSD đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, 01 tầng, có gác xép, tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá, tại thời điểm thẩm định không xây dựng mới, tu sửa lại so với thời điểm, thế chấp. Tài sản nhà đất tại thửa đất số 325b, tờ bản đồ số 05, diện tích 63m^2, mang tên anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D. Thửa đất có tứ cận: Phía đông tiếp giáp với hộ ông Toan; Phía tây tiếp giáp đường giao thông xóm; Phía nam và phía bắc tiếp giáp nhà anh trai anh S.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ quan điểm như trình bày trên.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân S; Điều 299, Điều 318, Điều 463, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân S; Điều 91, Điều Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Các Điều 3, 6 và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D phải có trách nhiệm liên đới thanh toán tổng số nợ đến ngày xét xử 11/8/2023 là 348.203.836 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh S, chị D tiếp tục phải chịu tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên. Nếu anh S, chị D không thanh toán khoản nợ đối với Ngân hàng thì sẽ tiến hành xử lý tài sản bảo đảm tại thửa số 352B, tờ bản đồ 05, diện tích đất ở 63m^2, tại thôn T, xã H, huyện H, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Hậu Lộc cấp quyền sử dụng đất sổ cấp GCN: CI 520037 cấp ngày 14/4/2017 mang tên anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D. Trường hợp tài sản bảo đảm được xử lý không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xác minh xử lý tài sản khác của anh S, chị D để bảo đảm nghĩa vụ thi hàn án.

Về án phí dân S sơ thẩm: Buộc anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D phải chịu toàn bộ án phí dân S sơ thẩm là 17.410.191đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", loại việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân S, thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng: Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 09/9/2021 tại Văn phòng công chứng Hậu Lộc, tại điều 2 về nội dung của Hợp đồng thì chị Trần Thị D ủy quyền cho anh Vũ Văn S, nhân danh mình đại diện xác lập giao dịch trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản. Nên chị Trần Thị D được xác định là bị đơn trong vụ án. Tại phiên tòa anh S, chị D vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn:

Tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng số 3514-LAV-2021.03648 ngày 09/9/2021, được các bên tham gia ký kết là tự nguyện, bên vay đã nhận được số tiền vay là 300.000.000đ vào ngày 09/9/2021 và đảm bảo khoản vay bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất mang tên anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Hợp đồng, bên vay đã không thực hiện nghĩa vụ cam kết trả nợ gốc theo kỳ và tiền lãi hàng tháng cacr các khoản vay, nên Agribank yêu cầu bên vay phải trả nợ gốc và lãi trước hạn đối với khoản vay trung hạn là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân S 2015. Tính đến ngày 11/8/2023 số tiền nợ gốc chưa thanh toán là: 300.000.000đ, tiền lãi trong hạn trên nợ gốc và lãi suất quá hạn trên nợ gốc của hai khoản vay là 48.203.836 đ. Tổng cộng: 348.203.836 đồng.

[4]. Theo Hợp đồng tín dụng số: 3514-LAV-2021.03648 ngày 09/9/2021, bên vay là anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D thông qua việc chị D ủy quyền cho anh S đại diện tham gia xác lập giao dịch. Như vây, toàn bộ số tiền nợ trên có căn cứ xác định là khoản vay chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, việc xác lập Hợp đồng tín dụng là nhằm mục đích nhu cầu vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Theo quy định tại Điều 24, Điều 27, khoản 2 Điều 33 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 275 và Điều 288 của BLDS 2015 thì anh S và chị D phải thực hiện nghĩa vụ liên đới đối với giao dịch do một bên vợ hoặc chồng đại diện xác lập trong thời kỳ hôn nhân. Nay anh S, chị D vi phạm thời hạn và nghĩa vụ trả tiền theo Hợp đồng tín dụng. Do đó, cần buộc anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả toàn bộ khoản nợ trên cho Agribank.

[5]. Xét việc vắng mặt của bị đơn: Tại Hợp đồng tín dụng và hợp đồng ủy quyền, anh Vũ Văn S là người tham gia ký kết, việc nhận tiền vay đã được Ngân hàng chuyển khoản cho anh, nên buộc anh phải biết nghĩa vụ của mình trong quan

hệ dân S. Tuy nhiên quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn là anh S đã biết nghĩa vụ phải thực hiện nhưng không thực hiện, trong khi chị Trần Thị D là vợ anh vẫn có mặt tại nơi cư trú và có bản tự khai trình bày. Theo hướng dẫn tại điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân S, thì việc vắng mặt của bị đơn được coi là cố tình dấu địa chỉ đối với nguyên đơn, không hợp tác làm việc khai báo, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Việc tiến hành xét xử vắng mặt đối bị đơn được thực hiện bằng phương thức tống đạt trực tiếp thông qua chị D (vợ) theo quy định tại Điều 177 của BLTTDS. Do đó, được coi là tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật đối với bị đơn.

[6]. Xét Hợp đồng thế chấp tài sản: Nhận thấy Hợp đồng thế chấp tài sản số 4919, tại quyển số 03 TP/CC – SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng công chứng Hậu Lộc, vào ngày 09/9/2021 do anh Vũ Văn S đại diện xác lập ký kết là phù hợp quy định của pháp luật về công chứng. Tại thời điểm thế chấp, tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của bên thế chấp, được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất và QSHTS gắn liền với đất. Như vậy, Hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực đối với các bên theo Điều 319 của BLDS. Nay Agribank yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đúng cam kết theo hợp đồng là có căn cứ.

[7].Về án phí dân S sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ khoản 3 Điều 144 của BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân S có giá ngạch. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân S huyện Hậu Lộc.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân S;

Căn cứ khoản 1 Điều 275, khoản 2 Điều 280, khoản 2 Điều 288, khoản 2 Điều 292, khoản 1 Điều 299, khoản 1 Điều 318, khoản 1 Điều 319, khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470 và Điều 500 của Bộ luật Dân S 2015.

Căn cứ Điều 24, Điều 27, Điều 33, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 được sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng N, tổng số tiền là 348.203.836.đồng (Ba trăm bốn mươi tám triệu hai trăm linh ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền trên, thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả trên nợ gốc của hợp đồng tín dụng tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D không tự nguyện thi hành án đối với số tiền phải thi hành, thì Ngân hàng N, có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân S để thi hành đối với tài sản thế chấp nhà và đất ở tại thửa số 352B, tờ bản đồ 05, diện tích đất ở 63m^2, tại thôn T, xã H, huyện H, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp quyền sử dụng đất sổ cấp GCN: CI 520037 cấp ngày 14/4/2017 mang tên anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D.

Về án phí dân S sơ thẩm: Buộc anh Vũ Văn S và chị Trần Thị D phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí có giá ngạch là 17.410.191đồng(Mười bảy triệu bốn trăm mười nghìn một trăm chín mươi mốt đồng). Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.331.065 đồng, theo biên lai thu số AA/2022/0005219 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân S huyện Hậu Lộc.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày truyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân S thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân S. Thời hiện thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân S.

Nơi nhận:
- VKS ND huyện H;
- Đương S;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi